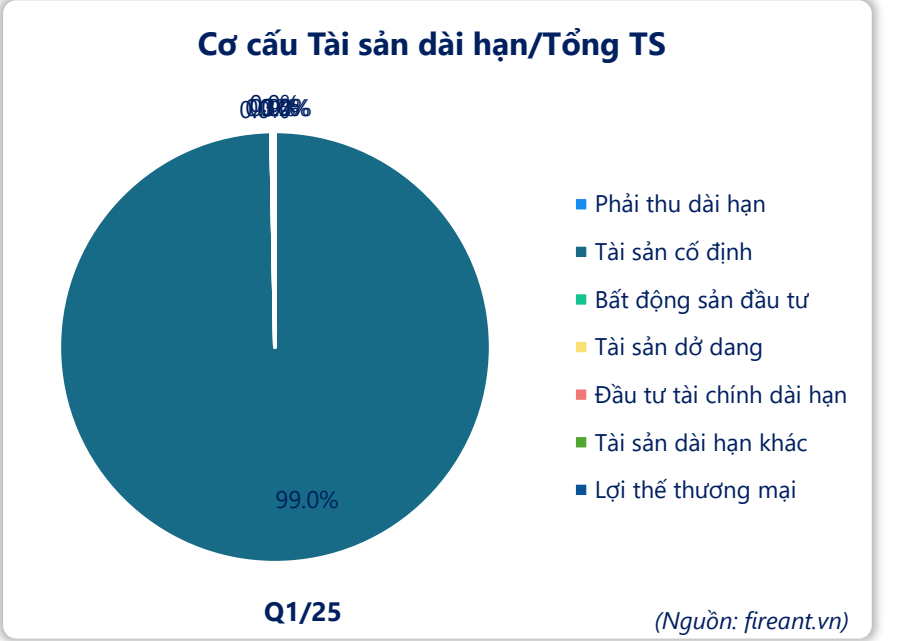
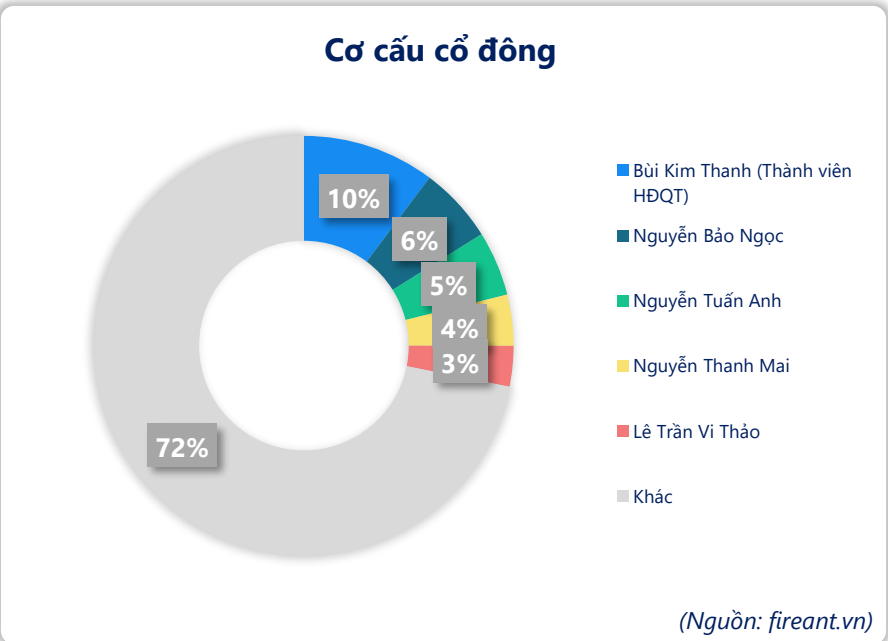
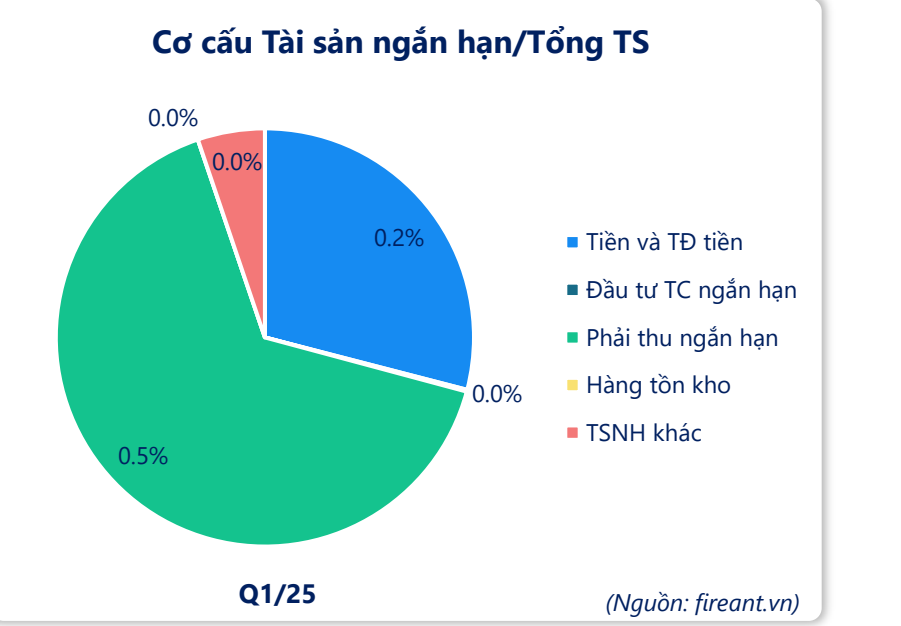
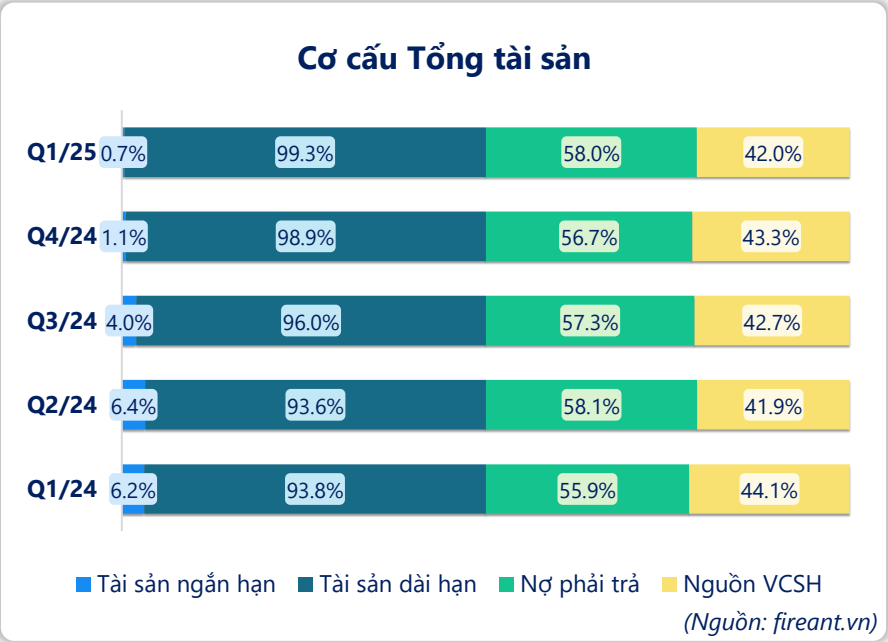
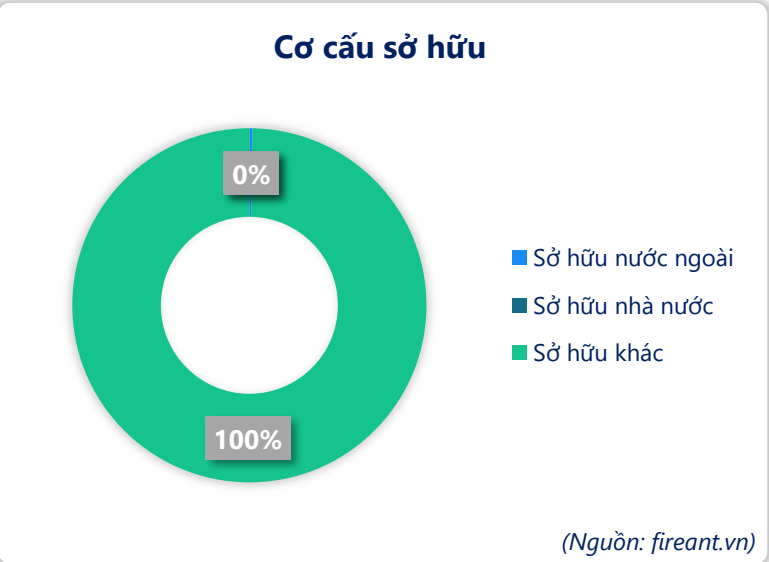
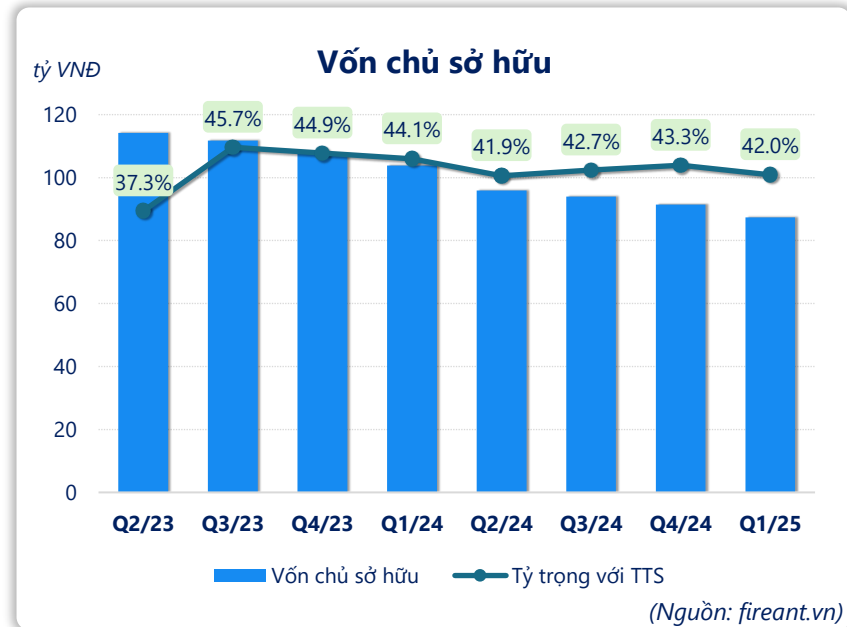
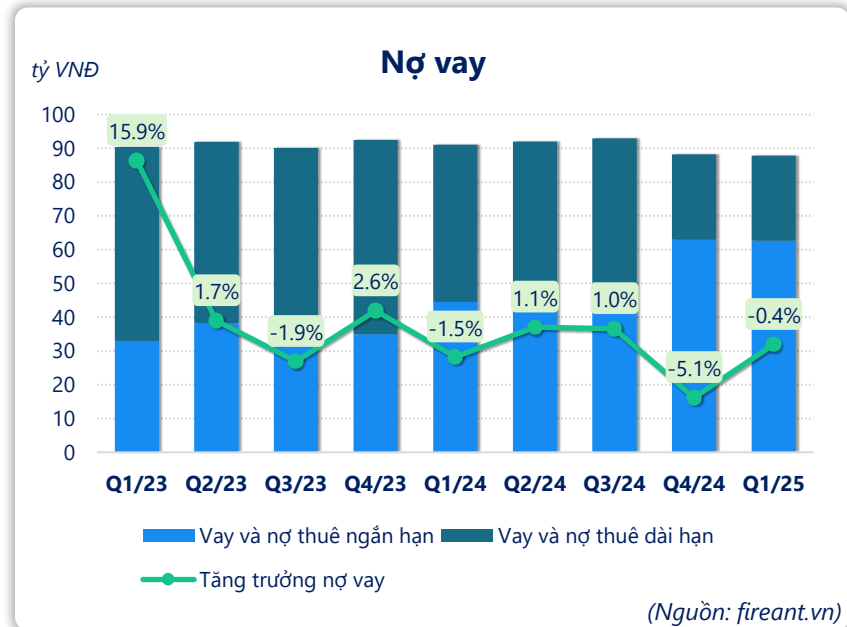
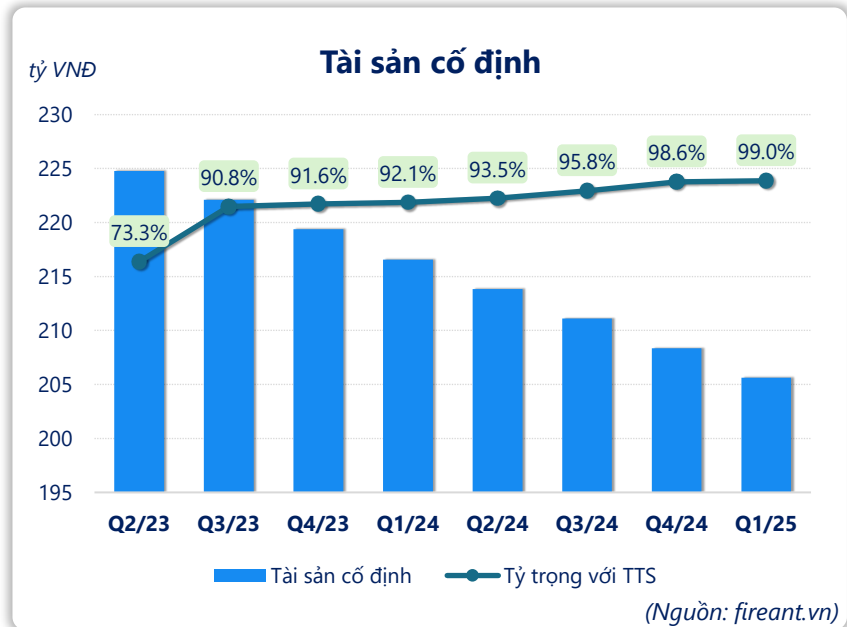
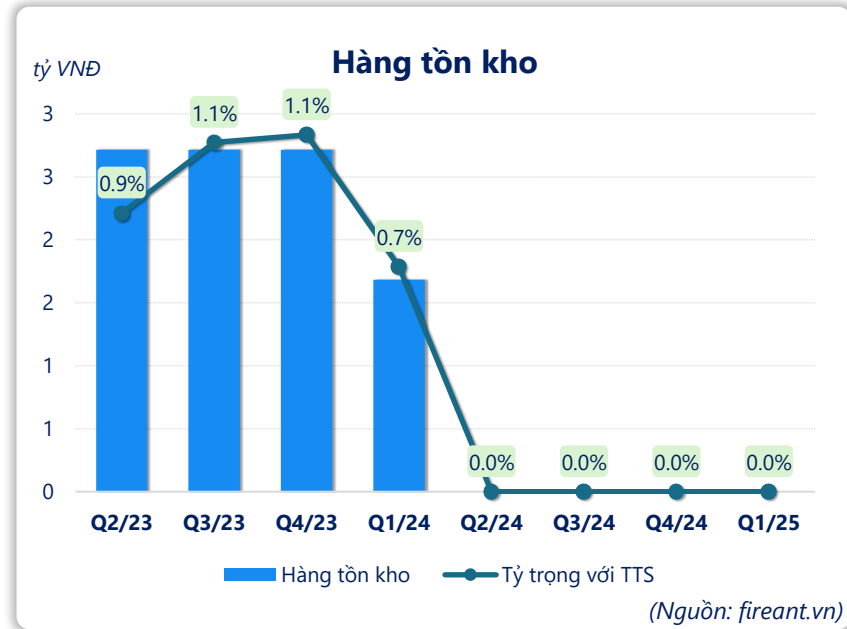
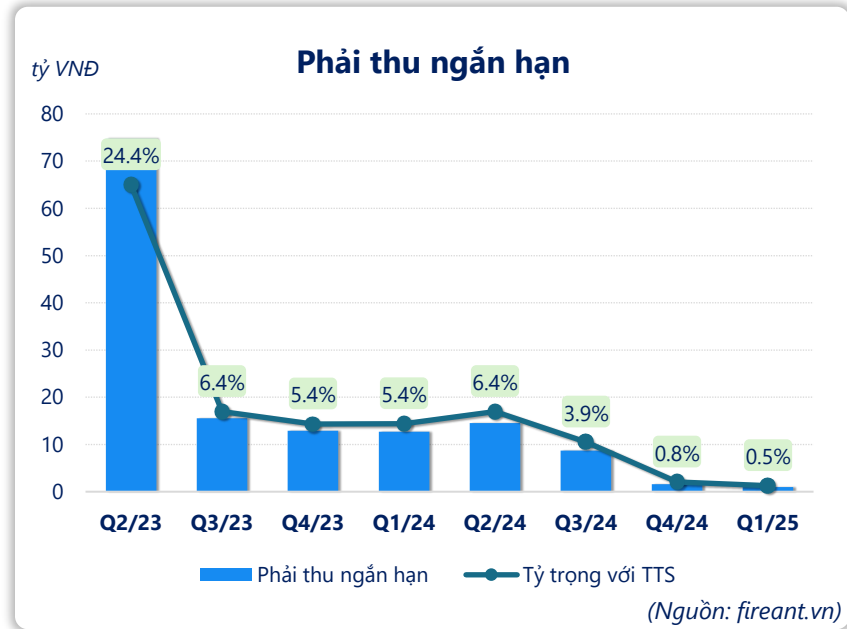
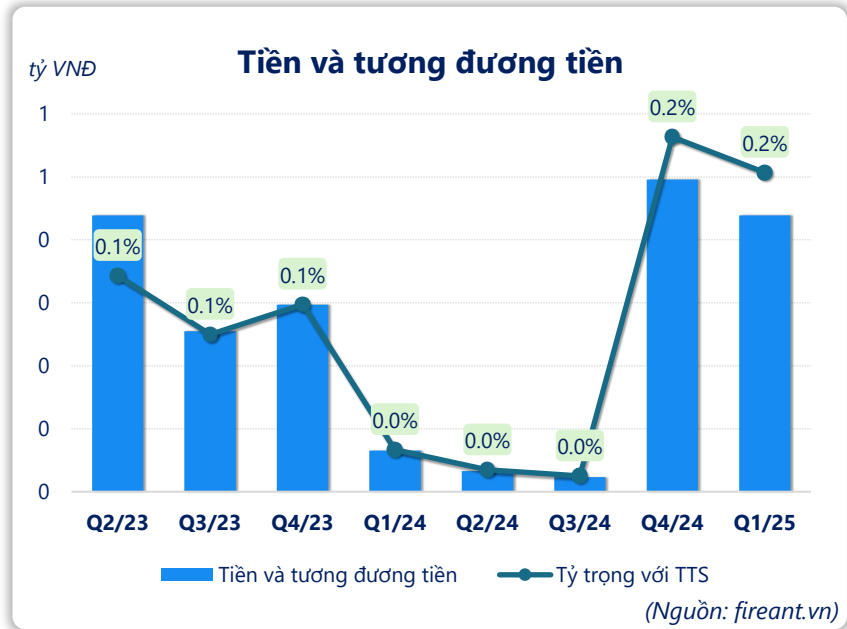
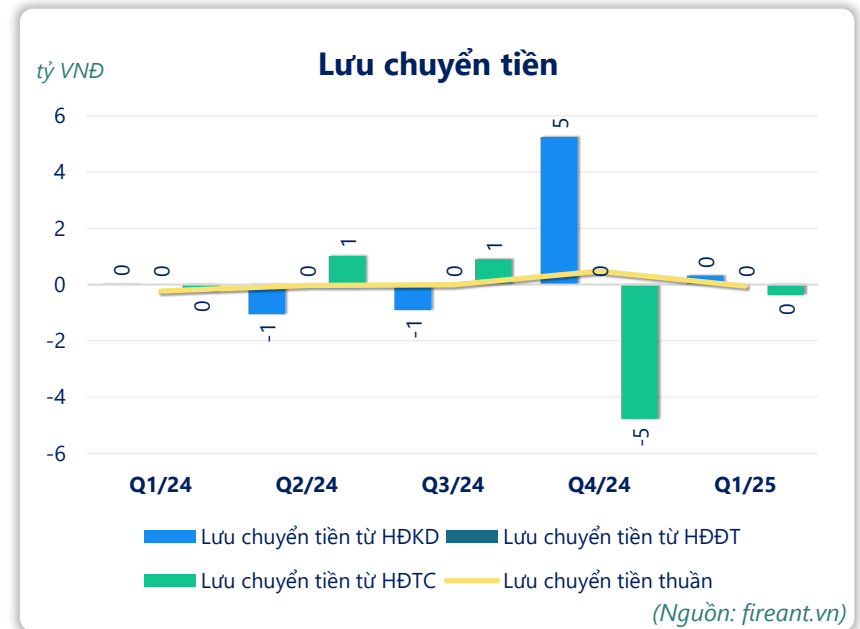
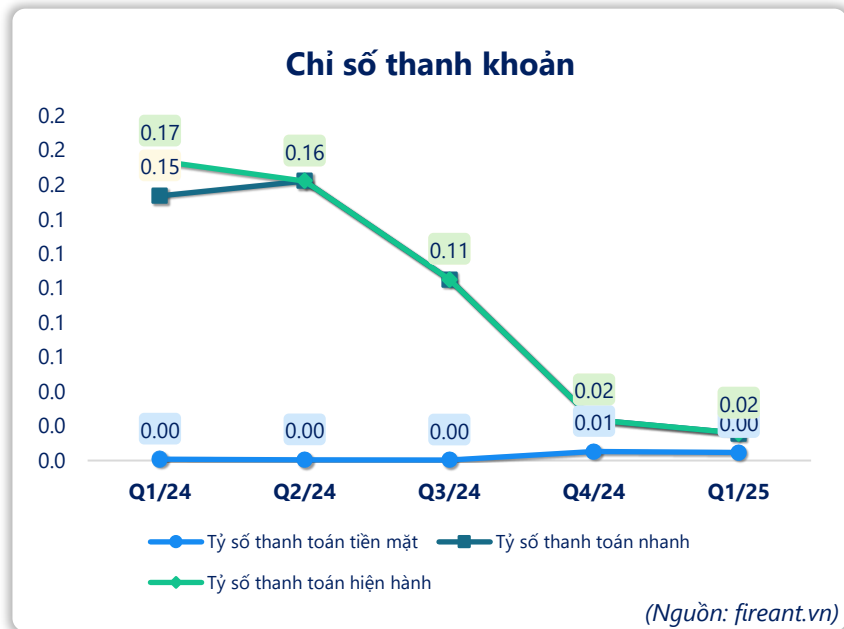
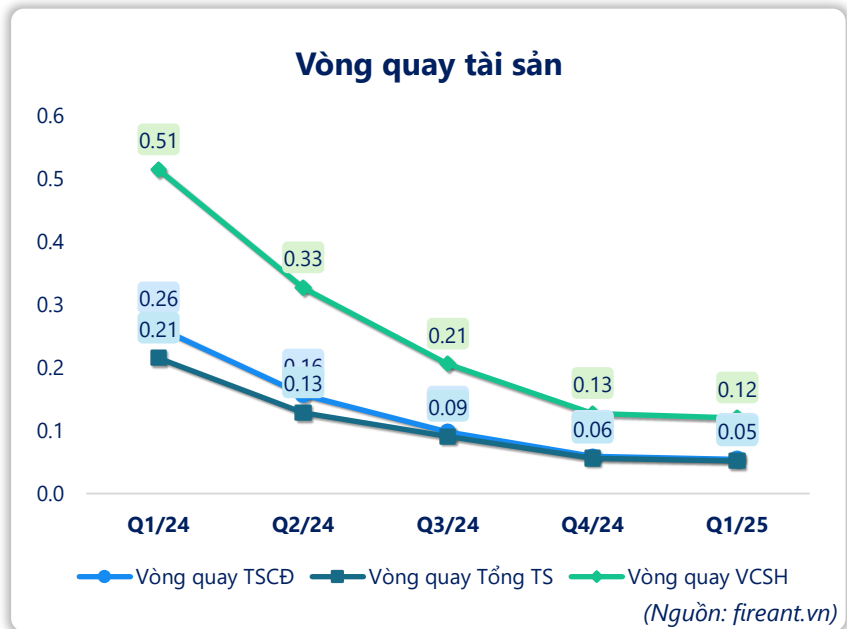
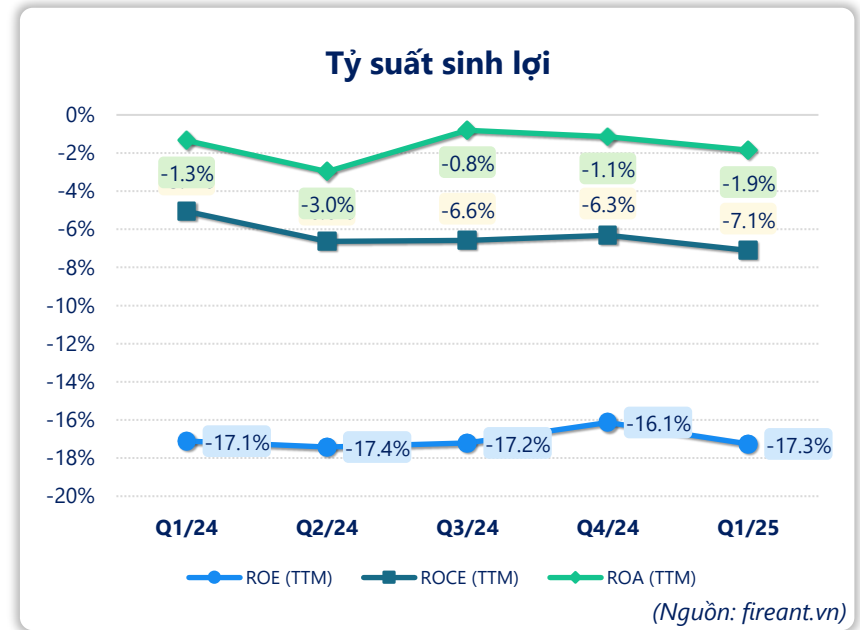
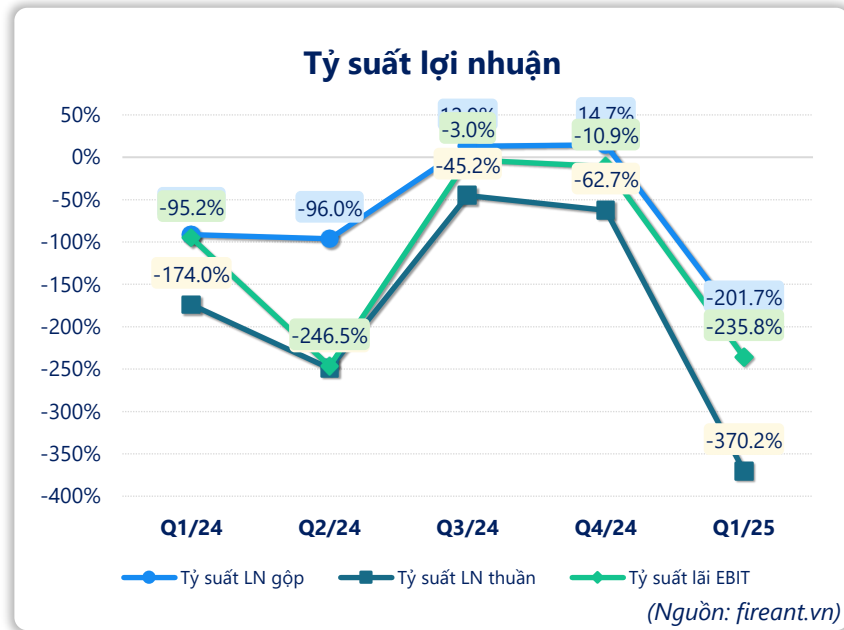
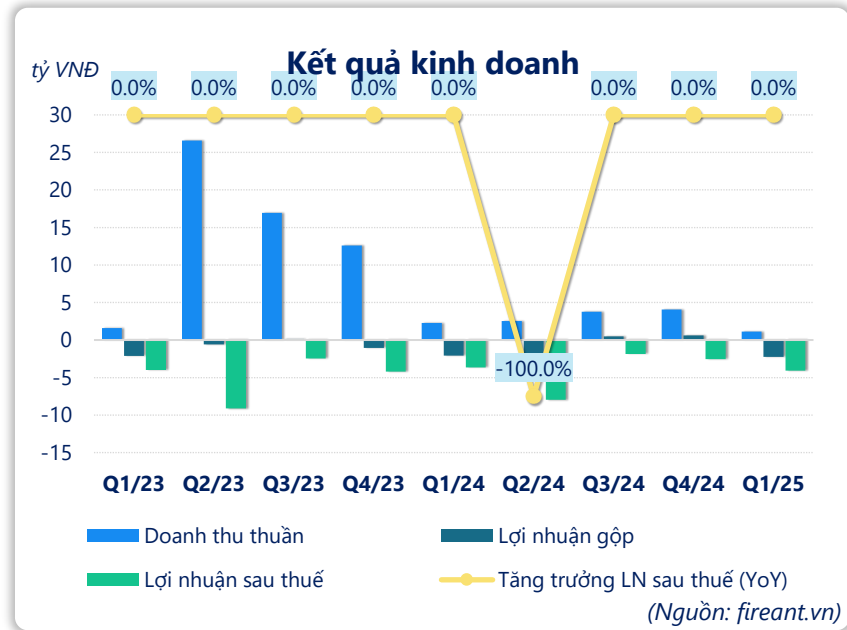


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)		96,000
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		24
P/E		-1.5
EPS		-1,030

	YTD	1T	3T	6T
SDD	-6.3%	-6.3%	7.1%	-6.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	208	211	-1.7%
Tài sản ngắn hạn	1.51	2.23	-32.2%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.50	-11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	0.99	1.61	-38.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.12	-33.2%
Tài sản dài hạn	206	209	-1.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	206	208	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.58	0.66	-10.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	120	120	0.5%
Nợ ngắn hạn	95.2	94.6	0.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.6	63.0	-0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.6	11.9	-2.5%
Nợ dài hạn	25.2	25.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	25.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	87.3	91.4	-4.5%
Vốn chủ sở hữu	87.3	91.4	-4.5%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2.27	2.53	3.76	4.08	1.11
Giá vốn hàng bán	4.35	4.96	3.27	3.48	3.34
Lợi nhuận gộp	-2.07	-2.43	0.49	0.60	-2.23
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.49	2.38	1.76	2.12	1.49
Chi phí lãi vay	1.49	1.72	1.76	2.12	1.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.38	1.49	0.42	1.04	0.38
LN thuần từ HĐKD	-3.95	-6.30	-1.70	-2.56	-4.10
Lợi nhuận khác	0.30	-1.66	-0.18	0.00	0.00
LN trước thuế	-3.66	-7.96	-1.88	-2.56	-4.10
Lợi nhuận sau thuế	-3.66	-7.96	-1.88	-2.56	-4.10
LNST của CĐ cty mẹ	-3.66	-7.96	-1.88	-2.56	-4.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.03	-1.05	-0.91	5.25	0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.26	1.02	0.90	-4.78	-0.38
Tiền đầu kỳ	0.29	0.07	0.03	0.02	0.50
Lưu chuyển tiền thuần	-0.23	-0.03	-0.01	0.47	-0.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.07	0.03	0.02	0.50	0.44

(Nguồn: fireant.vn)